BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
TRUNG ƯƠNG TP.HỒ CHÍ MINH
Số: 995 /KH-CĐSPTW-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 11 năm 2017

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THI KẾT THÚC HỌC PHẦN HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC: 2017-2018
CÁC LỚP TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY - NĂM THỨ 2

Ca 1: 8h00 bắt đầu thi
Ca 2: 9h30 bắt đầu thi
Ca 3: 13h00 bắt đầu thi
Ca 4: 15h00 bắt đầu thi

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/Lớp	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số lượng	Số phòng thi	Phòng Thi
1	2	25/12/2017	1	KTGĐ8	CB món ăn và thức uống thường ngày (CBMA1)	3	Thực hành	12	1	**P.CN CS1**
2	2	25/12/2017	1	GDCD6	Công tác Đội thiếu niên tiền phong HCM	2	TH&VĐ	40	1	**Sảnh trệt**
3	2	25/12/2017	1	SPAN17	Công tác Đội thiếu niên tiền phong HCM	2	TH&VĐ	30	1	**Sảnh trệt**
4	2	25/12/2017	1	SPTA6	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy PT	2	Nộp bài	60	2	**Phòng vi tính CS2**
5	2	25/12/2017	2	SPMT17	Công tác Đội thiếu niên tiền phong HCM	2	TH&VĐ	8	1	**Sảnh trệt**
6	2	25/12/2017	2	SPTA6	Công tác Đội thiếu niên tiền phong HCM	2	TH&VĐ	60	2	**Sảnh trệt**
7	2	25/12/2017	2	GDCD6	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy PT	2	Nộp bài	40	1	**Phòng vi tính CS2**
8	4	27/12/2017	1	SPAN17	Ký xướng âm 2	2	Thực hành	30	1	**P. CN**
9	4	27/12/2017	3	MN29	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non **Phòng thi số 1 đến phòng thi số 8 thi ca 1.** **Phòng thi số 9 đến phòng thi số 12 thi ca 2**	2	Tự luận	400	12	**P1:203; P2:204; P3:205 P4:206; P5: 207; P6: 208 P7:209; P8:210; P9:211 P10:214; P11: 215; P12: 216**
10	4	27/12/2017	3	CTXH4	PP nghiên cứu khoa học	2	Nộp bài	30	1	**Phòng ĐT CS2**
11	4	27/12/2017	4	GDĐB13	Tâm lý học trẻ khiếm thính	2	Tự luận	60	2	**P1: 203 - P2: 204**
12	4	27/12/2017	4	CTXH4	Tâm lý học XH	2	Tự luận	30	1	**205**

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/Lớp	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số lượng	Số phòng thi	Phòng Thi
13	4	27/12/2017	4	SPMT17	Vẽ người thật 1 (đen trắng)	2	Tự luận	8	1	**206**
14	4	27/12/2017	3	SPAN17	Nhạc cụ 2	2	Thực hành	30	1	**Phòng CN CS2**
15	4	03/01/2018	1	GDĐB13	Tâm lý học trẻ CPTTT	2	Vấn đáp	60	2	**Tập trung Phòng 211 Thi phòng 210**
16	4	03/01/2018	1	MN29	Tiếng Anh 3 **Từ phòng thi số 1 đến phòng thi số 3 thi ca 1** **Từ phòng thi số 4 đến phòng thi số 6 thi ca 3**	2	Vấn đáp	200	12	**Tập trung P.101-102 Thi P.105-106-107-108**
17	5	04/01/2018	1	GDĐB13	Giáo dục học trẻ CPTTT mầm non 1	2	TN-Tự luận	60	2	**P1: 203 - P2: 204**
18	5	04/01/2018	1	CTXH4	Giới và phát triển	2	Tự luận	30	1	**205**
19	5	04/01/2018	1	KTGĐ8	Hóa sinh thực phẩm	2	Trắc nghiệm	12	1	**206**
20	5	04/01/2018	1	SPAN17	Hoạt động giáo dục ở trường phổ thông	4	Tự luận	30	1	**207**
21	5	04/01/2018	1	SPMT17	Hoạt động giáo dục ở trường phổ thông	4	Tự luận	8	1	**208**
22	5	04/01/2018	1	SPTA6	Hoạt động giáo dục ở trường phổ thông	4	Tự luận	60	2	**P1: 209 - P2: 210**
23	5	04/01/2018	1	GDCD6	Hoạt động giáo dục ở trường THCS	3	Tự luận	40	1	**211**
24	5	04/01/2018	1	MN29	Tiếng Anh 3 **Từ phòng thi số 7 đến phòng thi số 9 thi ca 1** **Từ phòng thi số 10 đến phòng thi số 12 thi ca 3**	2	Vấn đáp	200	12	**Tập trung P.101-102 Thi P.105-106-107-108**
25	5	04/01/2018	2	CTXH4	Chính sách xã hội	2	Tự luận	30	1	**205**
26	5	04/01/2018	2	GDCD6	Đạo đức và giáo dục đạo đức 1	3	Tự luận	40	1	**211**
27	5	04/01/2018	2	GDĐB13	Giáo dục học trẻ khiếm thị mầm non 1	2	Tự luận	60	2	**P1: 203 - P2: 204**
28	5	04/01/2018	2	SPAN17	Hình thức thể loại âm nhạc	3	Tự luận	30	1	**207**

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/Lớp	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số lượng	Số phòng thi	Phòng Thi
29	5	04/01/2018	2	SPMT17	Ký họa đen trắng 2	2	Tự luận	8	1	**208**
30	5	04/01/2018	2	KTGĐ8	Kỹ thuật chế biến món ăn	2	Tự luận	12	1	**206**
31	5	04/01/2018	2	SPTA6	Lý luận Giảng dạy Tiếng Anh	3	TL+TN	60	2	**P1: 209 - P2: 210**
32	6	05/01/2018	1	MN29	PP hướng dẫn trẻ MN làm quen MTXQ	2	Tự luận	400	12	**P1:203; P2:204; P3:205 P4:206; P5: 207; P6: 208 P7:209; P8:210; P9:211 P10:214; P11: 215; P12: 216**
33	6	05/01/2018	2	MN29	PP phát triển ngôn ngữ cho trẻ MN	3	Tự luận	400	12	**P1:203; P2:204; P3:205 P4:206; P5: 207; P6: 208 P7:209; P8:210; P9:211 P10:214; P11: 215; P12: 216**
34	6	05/01/2018	3	CTXH4	CTXH với cá nhân	2	Tự luận	30	1	**203**
35	6	05/01/2018	3	SPAN17	Hát 2	2	Thực hành	30	1	**Phòng CN CS2**
36	6	05/01/2018	3	SPMT17	Lịch sử mỹ thuật Thế giới	2	Tự luận	8	1	**204**
37	6	05/01/2018	3	GDĐB13	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	2	Tự luận	60	2	**P1: 205 - P2: 206**
38	6	05/01/2018	3	KTGĐ8	Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	Trắc nghiệm	12	1	**207**
39	6	05/01/2018	4	KTGĐ8	Phụ gia thực phẩm	2	Nộp bài	12	1	**Phòng ĐT CS2**
40	6	05/01/2018	4	CTXH4	Sức khoẻ cộng đồng	2	Tự luận	30	1	**203**
41	6	05/01/2018	4	GDĐB13	Tâm lý học trẻ khiếm thị	2	Tự luận	60	2	**P1: 205 - P2: 206**
42	6	05/01/2018	4	KTGĐ8	Trang thiết bị chuyên ngành	1	Báo cáo	12	1	**Phòng ĐT CS2**
43	6	05/01/2018	4	SPMT17	Vẽ tĩnh vật màu	2	Tự luận	8	1	**204**
44	2	08/01/2018	1	MN29	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tự luận	400	12	**P1:203; P2:204; P3:205 P4:206; P5: 207; P6: 208 P7:209; P8:210; P9:211 P10:214; P11: 215; P12: 216**

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/Lớp	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số lượng	Số phòng thi	Phòng Thi
45	2	08/01/2018	2	MN29	Sự học và sự phát triển tâm lý trẻ em tuổi MN 2	3	Trắc nghiệm	400	12	**P1:203; P2:204; P3:205 P4:206; P5: 207; P6: 208 P7:209; P8:210; P9:211 P10:214; P11: 215; P12: 216**
46	2	08/01/2018	3	CTXH4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tự luận	30	1	**203**
47	2	08/01/2018	3	GDCD6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tự luận	40	1	**211**
48	2	08/01/2018	3	GDĐB13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tự luận	60	2	**P1: 205 - P2: 206**
49	2	08/01/2018	3	KTGĐ8	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tự luận	12	1	**204**
50	2	08/01/2018	3	SPAN17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tự luận	30	1	**207**
51	2	08/01/2018	3	SPMT17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tự luận	8	1	**208**
52	2	08/01/2018	3	SPTA6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tự luận	60	2	**P1: 209 - P2: 210**
53	2	08/01/2018	4	SPTA6	Đọc 3	2	TN	60	2	**P1: 209 - P2: 210**
54	2	08/01/2018	4	CTXH4	Tiếng Anh 2	2	TL+TN	30	1	**203**
55	2	08/01/2018	4	GDCD6	Tiếng Anh 2	2	TL+TN	40	1	**211**
56	2	08/01/2018	4	GDĐB13	Tiếng Anh 2	2	TL+TN	60	2	**P1: 205 - P2: 206**
57	2	08/01/2018	4	KTGĐ8	Tiếng Anh 2	2	TL+TN	12	1	**204**
58	2	08/01/2018	4	SPAN17	Tiếng Anh 2	2	TL+TN	30	1	**207**
59	2	08/01/2018	4	SPMT17	Tiếng Anh 2	2	TL+TN	8	1	**208**
60	4	10/01/2018	1	SPTA6	Nói 3	2	Vấn đáp	60	2	**Tập trung P.101-102 Thi P.105-106-107-108**

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/Lớp	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số lượng	Số phòng thi	Phòng Thi
61	6	12/01/2018	1	MN29	Giáo dục học mầm non	5	Tự luận	400	12	**P1:203; P2:204; P3:205 P4:206; P5: 207; P6: 208 P7:209; P8:210; P9:211 P10:214; P11: 215; P12: 216**
62	6	12/01/2018	2	MN29	Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN 1	2	Tự luận	400	12	**P1:203; P2:204; P3:205 P4:206; P5: 207; P6: 208 P7:209; P8:210; P9:211 P10:214; P11: 215; P12: 216**
63	6	12/01/2018	3	GDCD6	Phương pháp dạy học GDCD 1	2	Tự luận	40	1	**211**
64	6	12/01/2018	3	SPAN17	Âm nhạc cổ truyền	2	Thực hành	30	1	**Phòng CN CS2**
65	6	12/01/2018	3	SPMT17	Bố cục 1	2	Tự luận	8	1	**203**
66	6	12/01/2018	4	CTXH4	Học phần tự chọn 3: Gia đình học	2	Tự luận	30	1	**204**
67	6	12/01/2018	3	GDĐB13	Giáo dục học trẻ khiếm thính mầm non 1	2	Tự luận	60	2	**P1: 205 - P2: 206**
68	6	12/01/2018	3	KTGĐ8	Lý thuyết dinh dưỡng	2	Trắc nghiệm	12	1	**207**
69	6	12/01/2018	3	SPTA6	Nghe 3	2	TN	60	2	**P1: 208 - P2: 209**
	6	12/01/2018	3	CTXH4	CTXH nhóm	3	Nộp bài	30	1	**Phòng ĐT CS2**
71	6	12/01/2018	4	SPAN17	PP dạy học âm nhạc ở trường tiểu học	2	Tự luận	30	1	**210**
72	6	12/01/2018	4	GDCD6	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	3	Tự luận	40	1	**211**
73	6	12/01/2018	4	KTGĐ8	Tâm lý học phát triển	2	Tự luận	12	1	**207**
74	6	12/01/2018	4	SPMT17	Trang trí cơ bản 2	2	Tự luận	8	1	**203**
75	6	12/01/2018	4	SPTA6	Viết 3	2	TL+TN	60	2	**P1: 208 - P2: 209**

STT	Thứ	Ngày thi	Ca thi	Khóa/Lớp	Tên học phần	Số TC	Hình thức thi	Số lượng	Số phòng thi	Phòng Thi

Ghi chú: ***- Sinh viên mang thẻ sinh viên hoặc CMND hoặc bằng lái xe khi dự thi.***
- Sinh viên có mặt tại phòng thi trước 15 phút.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

(Đã ký)

ThS. Võ Đình Vũ

Nơi nhận
- BGH (Để báo cáo);
- Các đơn vị (Để thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.